

Bản án số: 11/2018/KDTM-ST

Ngày: 12-6-2018

Hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật

Phó chủ tịch HĐND phường P – thành phố L

2. Ông Trần Hùng Bích

Cán bộ hưu trí phường P – thành phố L

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2017/TLST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2018/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu gạo P.

Địa chỉ: Số 6789, Quốc Lộ A, khu vực B, phường T, Quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hồng Thị Bích T - chức vụ: Tổng giám đốc (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, Mã số doanh

nghiệp: 1800676945; Đăng ký lần đầu ngày 28/8/2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 17, ngày 27/6/2017)

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1974 (theo văn bản ủy quyền ngày 08/09/2017).

Địa chỉ: số 191, đường P, phường 7, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lương thực thương mại T.**

Địa chỉ: Số 01, Lê Lợi, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc L - chức vụ: Giám đốc (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên, Mã số doanh nghiệp: 1601883513; Đăng ký lần đầu ngày 11/7/2013; Đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 05/9/2015).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/10/2017 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:

Từ ngày 20/07/2017 đến ngày 05/08/2017 công ty TNHH MTV lương thực thương mại T (gọi tắt là công ty T) có thỏa thuận mua của công ty cổ phần xuất nhập khẩu gạo P (gọi tắt là công ty P) số lượng hàng hóa cụ thể như sau:

Gạo ST 21: 2.000 tấn, đơn giá: 12.200.000 đồng/tấn, thành tiền: 24.400.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ bốn trăm triệu đồng);

Cám: 400 tấn, đơn giá: 4.400.000 đồng – 4.500.000 đồng/tấn, thành tiền: 1.780.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm tám mươi triệu đồng);

Tầm mai: 167,750 tấn, đơn giá: 6.200.000 đồng/tấn, thành tiền 1.027.650.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

Tầm 1 504 Đông Xuân: 300,156 tấn, đơn giá: 7.000.000 đồng/tấn, thành tiền: 2.101.092.000 đồng (hai tỷ một trăm lẻ một triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng);

Tổng cộng: 29.308.742.000 đồng (hai mươi chín tỷ ba trăm lẻ tám triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Khi mua bán hai bên thỏa thuận bằng hình thức giao kết, trao đổi qua điện thoại, không ký hợp đồng bằng văn bản. Sau mỗi đợt hàng sẽ lập biên bản xác nhận công nợ và ký nhận, bên mua sẽ thanh toán cho bên bán dứt điểm từng lô hàng chậm nhất trong vòng từ 07 đến 10 ngày kể từ ngày sau khi nhận hàng. Đến ngày 12/08/2017 công ty T thanh toán cho công ty P số tiền: 16.390.000.000 đồng, còn nợ lại 12.918.742.000 đồng.

Tiếp đó, từ ngày 13/8/2017 – 17/08/2017 Công ty P tiếp tục bán cho công ty T: Cắm: 395 tấn cắm, đơn giá: 4.650.000 đồng/tấn, thành tiền: 1.836.750.000 đồng. Sau đó, công ty T có thanh toán cho công ty P số tiền 2.030.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Do phía công ty T vi phạm hợp đồng nên công ty P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc công ty T phải thanh toán số tiền còn nợ tổng cộng là 12.820.492.000 đồng, trong đó tiền nợ là 12.725.492.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 12/8/2017 đến thời điểm nộp đơn khởi kiện, theo lãi suất nợ quá hạn trung bình theo quy định của pháp luật, tạm tính đến ngày 12/9/2017 là 95.000.000 đồng.

* Bị đơn Công ty TNHH MTV lương thực thương mại T vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh, không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Đức T vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc công ty T phải thanh toán cho công ty P số tiền mua hàng hóa còn nợ là 12.725.492.000 đồng (mười hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng), đồng thời rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi nợ quá hạn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn công ty P và phía bị đơn công ty T có giao dịch mua bán với nhau, thỏa thuận bằng hình thức giao kết, trao đổi qua điện thoại, mặc dù không ký hợp đồng bằng văn bản nhưng việc giao dịch này thể hiện bằng việc chuyển tiền từ tài khoản của ông L là đại diện theo pháp luật của

công ty T cho bà Hồng Thị Bích T là đại diện cho công ty P và thể hiện tại Biên bản xác nhận công nợ ngày 12/8/2017 có sự xác nhận của 02 công ty. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định đến ngày 12/8/2017, công ty T còn nợ công ty P 12.918.742.000 đồng.

Sau đó, công ty P tiếp tục bán cho công ty T 395 tấn cám, trị giá 1.836.750.000 đồng. công ty T đã thanh toán 2.030.000.000 đồng cho công ty P. Như vậy, số tiền công ty T còn nợ công ty P là 12.725.492.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Do đó, công ty P yêu cầu công ty T thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của công ty P rút lại yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về lãi suất của công ty P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa công ty cổ phần xuất nhập khẩu gạo P (công ty P) với công ty TNHH MTV Lương thực T (công ty T) là tranh chấp về kinh doanh, thương mại (hợp đồng mua bán hàng hóa), tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Công ty P là nguyên đơn trong vụ án, khởi kiện và xác định công ty T là bị đơn, phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn công ty P do bà Hồng Thị Bích T đại diện theo pháp luật. Bà T ký văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Đức T tham gia tố tụng tại Tòa án. Căn cứ vào Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận ông T tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án, được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

Bị đơn công ty T do ông Nguyễn Ngọc L – chức vụ Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty, phù hợp văn bản số 71/ĐKKD – DNDD ngày 28/11/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cung cấp thông tin doanh nghiệp kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm

hữu hạn một thành viên, hiện trên hệ thống tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia thì công ty T đang hoạt động. Công ty T được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình tố tụng và triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng người đại diện theo pháp luật của công ty vẫn vắng mặt, không lý do. Như vậy, công ty T đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đồng thời, không có văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn, cũng như không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt công ty T.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn công ty P có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi do công ty T chậm thanh toán, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Theo đại diện nguyên đơn, từ ngày 20/07/2017 đến ngày 17/08/2017 công ty T có thỏa thuận mua của công ty P số lượng hàng hóa là gạo, tấm, cám. Ngày 12/08/2017, công ty P và công ty T ký biên bản xác nhận công nợ thể hiện Công ty T đã thanh toán thực tế cho công ty P được 16.390.000.000 đồng, còn nợ lại 12.918.742.000 đồng. Sau khi ký biên bản xác nhận công nợ, công ty T tiếp tục mua của công ty P 395 tấn cám với số tiền 1.836.750.000 đồng và thanh toán cho công ty P 2.030.000.000 đồng, còn nợ lại 12.725.492.000 đồng nhưng công ty T không tất toán nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết, ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản của nguyên đơn.

Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận mua bán hàng hóa (mặt hàng gạo, tấm, cám), công ty T giao dịch với Công ty P bằng hình thức đặt hàng qua điện thoại để yêu cầu quy cách, chủng loại, thỏa thuận giá cả và được công ty P tiếp nhận thông tin, đồng ý xuất kho giao hàng theo yêu cầu công ty T. Hai bên hợp tác giao dịch mua bán thành công nhiều đợt hàng nhưng không lập hợp đồng bằng văn bản, chỉ thể hiện bằng lời nói và xác lập bằng hành vi nên xác định đây là nguyên tắc cơ bản áp dụng thói quen trong hoạt động thương mại được quy định tại Điều 12, Điều 24 Luật thương mại. Chứng cứ chứng minh

thể hiện quá trình mua bán là các phiếu xuất kho của công ty P từ ngày 13/7/2017 đến ngày 17/8/2017 và công ty T thanh toán nợ qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cho công ty P được thể hiện qua các giấy chuyển khoản, phù hợp quy định tại Điều 34, Điều 37 Luật thương mại.

Về thời gian thanh toán nợ, theo đại diện nguyên đơn thì thỏa thuận sau mỗi đợt hàng hai bên sẽ lập biên bản xác nhận công nợ và ký nhận, bên mua sẽ thanh toán cho bên bán dứt điểm từng lô hàng chậm nhất trong vòng từ 07 đến 10 ngày kể từ ngày nhận hàng. Như vậy, công ty T đã vi phạm thời gian thỏa thuận thanh toán nợ cho công ty P được quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật thương mại.

Công ty P khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ nhưng công ty T không thể hiện ý kiến phản đối bằng văn bản là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cũng như không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, nguyên đơn công ty P khởi kiện yêu cầu công ty T phải trả số tiền còn nợ là 12.725.492.000 đồng (mười hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn công ty T phải nộp 120.725.000đ (một trăm hai mươi triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty P được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại 60.400.000đ (sáu mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003610 ngày 01/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:**

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 219; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 12; Điều 24; Điều 34; Điều 37; Điều 50; Điều 55 Luật thương mại;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt công ty TNHH MTV lương thực thương mại T.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty cổ phần xuất nhập khẩu gạo P đối với bị đơn công ty TNHH MTV lương thực thương mại T.

Buộc công ty TNHH MTV lương thực thương mại T phải thanh toán cho công ty cổ phần xuất nhập khẩu gạo P số tiền 12.725.492.000 đồng (mười hai tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu tính lãi của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu gạo P đối với công ty TNHH MTV lương thực thương mại T.

[2] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV lương thực thương mại T phải nộp 120.725.000đ (một trăm hai mươi triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho công ty cổ phần xuất nhập khẩu gạo P 60.400.000đ (sáu mươi triệu bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003610 ngày 01/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn công ty cổ phần xuất nhập khẩu gạo P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn công ty TNHH MTV lương thực thương mại T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.L;
- Viện kiểm sát TP.L;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam